

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn¹**

Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025;

2. Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025;

3. Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

¹ Cụm từ “quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” trong tên của Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản²;

² Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/1/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản”

Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh³

Thông tư này hướng dẫn việc chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trách nhiệm và quyền hạn của các bên có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng⁴

146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 61/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục trưởng Cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường”

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

1. Đối tượng chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*sau đây gọi tắt là cơ sở*), trừ các cơ sở sau:

- a) Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;
- b) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét;
- c) Sơ chế nhỏ lẻ;
- d) Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;
- đ) Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn;
- e) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

2. Đối tượng kiểm tra về an toàn thực phẩm:

- a) Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm của các cơ sở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ⁵

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động giới thiệu, dịch vụ bảo quản, dịch vụ vận chuyển hoặc buôn bán thực phẩm nông, lâm, thủy sản, muối.
- 2. Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm nông, lâm, thủy sản: là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản, sản xuất muối.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2025.

3. Thẩm định: là hoạt động xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Căn cứ thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia.
2. Các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định có liên quan đến an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

Điều 5. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Giấy chứng nhận); kiểm tra an toàn thực phẩm⁶

Cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại địa phương và tàu cá của địa phương khác có nhu cầu là các cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thẩm quyền.

Điều 6. Cấp Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm⁷

1. Cấp Giấy chứng nhận được áp dụng đối với:
 - a) Cơ sở thuộc diện phải có Giấy chứng nhận khi hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này nhưng chưa được thẩm định, cấp Giấy chứng nhận;
 - b) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng bị thu hồi;
 - c) Cơ sở có Giấy chứng nhận còn hiệu lực ít hơn 6 (sáu) tháng hoặc cơ sở ngừng sản xuất quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có thông báo gửi Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận;
 - d) Cơ sở có thay đổi về người đại diện pháp luật hoặc thay đổi hệ thống quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm so với ban đầu (sửa chữa, nâng cấp, mở rộng sản xuất, chuyển địa điểm sản xuất mới).
2. Kiểm tra an toàn thực phẩm được thực hiện theo Điều 17 Thông tư này.

Điều 7. Nội dung, phương pháp thẩm định

1. Nội dung thẩm định
 - a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị;

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

b) Nguồn nhân lực tham gia sản xuất, kinh doanh và quản lý an toàn thực phẩm;

c) Việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chương trình quản lý an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa;

d) ⁸ Lấy mẫu kiểm nghiệm: Do Đoàn thẩm định xem xét quyết định dựa trên đánh giá nguy cơ khi có nghi ngờ sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm, hoạt động kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm của cơ sở không đảm bảo. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo quy định hiện hành.

2. ⁹ Phương pháp thẩm định: bao gồm hoạt động xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm: nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện và phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu (khi cần thiết).

Điều 8. Phân loại cơ sở¹⁰

1. Phân loại cơ sở:

a) Đạt: Cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

b) Không đạt: Cơ sở chưa đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc còn điểm không phù hợp không thể khắc phục trong thời hạn yêu cầu.

2. Hướng dẫn thẩm định, phân loại theo mẫu biên bản thẩm định tương ứng các loại hình cơ sở quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, việc thẩm định điều kiện cơ sở thực hiện theo các quy định đối với ngành, lĩnh vực tương ứng.

Điều 9.¹¹ (được bãi bỏ)

⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

Điều 10. Yêu cầu đối với trưởng đoàn, thành viên đoàn thẩm định và người lấy mẫu

1.¹² Yêu cầu đối với thành viên đoàn thẩm định

- a) Trung thực, khách quan, không có xung đột lợi ích với cơ sở được thẩm định;
- b) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thẩm định;
- c) Đã tham gia khóa đào tạo hoặc tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ thẩm định hoặc khóa đào tạo hoặc tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thẩm định.

2.¹³ Yêu cầu đối với Trưởng đoàn thẩm định

- a) Đáp ứng các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này;
- b) Có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác và đã tham gia thẩm định ít nhất 05 cơ sở trong lĩnh vực thẩm định.

3. Yêu cầu đối với người lấy mẫu

- a) Có chuyên môn phù hợp;
- b) Có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về lấy mẫu hoặc có chứng chỉ, giấy chứng nhận tham gia đào tạo hoặc tập huấn có nội dung về lấy mẫu.

Điều 11. Phí, lệ phí¹⁴

Việc thu phí, lệ phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

CHƯƠNG II

¹¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 26 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

CHỨNG NHẬN, KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM¹⁵

Mục 1

CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM¹⁶

Điều 12. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận¹⁷

1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận bao gồm các thành phần được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm.

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tham khảo Phụ lục V kèm theo Thông tư này; Mẫu bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham khảo tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này; Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cho Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại cơ quan thẩm quyền.

3. Sau khi nhận được hồ sơ của cơ sở, Cơ quan thẩm quyền tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo kết quả tới cơ sở, ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; hoặc thông báo hồ sơ không đạt và nêu rõ lý do.

Điều 13. Thành lập Đoàn thẩm định

1.¹⁸ Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này ban hành quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ. Quyết định thành lập đoàn thẩm định gồm các nội dung sau:

¹⁵ Tên Chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹⁶ Tên Mục này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh

- a) Căn cứ thẩm định;
- b) Phạm vi, nội dung;
- c) Tên, địa chỉ của cơ sở được thẩm định;
- d) Họ tên, chức danh của trưởng đoàn, phó đoàn (nếu có) và các thành viên trong đoàn;
- đ) Trách nhiệm của cơ sở và đoàn thẩm định.

2. Trường hợp thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng thực phẩm nông, lâm, thủy sản, Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm thông báo tới các cơ quan phối hợp có liên quan đề nghị cử người tham gia đoàn thẩm định.

Điều 14. Tổ chức thẩm định tại cơ sở¹⁹

Thực hiện thẩm định tại cơ sở trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật An toàn thực phẩm, cụ thể:

1. Đoàn thẩm định công bố quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định.
2. Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư này.
3. Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở.
4. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Biên bản thẩm định

1. Biên bản thẩm định theo mẫu tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Yêu cầu đối với biên bản thẩm định:
 - a) Phải được đoàn thẩm định lập tại cơ sở ngay sau khi kết thúc thẩm định;
 - b) Thể hiện đầy đủ, chính xác kết quả thẩm định;

doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

c) Ghi rõ các hạng mục không bảo đảm an toàn thực phẩm và thời hạn yêu cầu cơ sở khắc phục các sai lỗi;

d)²⁰ Nêu kết luận chung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định của cơ sở;

đ) Có ý kiến của người đại diện có thẩm quyền của cơ sở về kết quả thẩm định, cam kết khắc phục các sai lỗi (nếu có);

e) Có chữ ký của trưởng đoàn thẩm định, chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của cơ sở, đóng dấu giáp lai của cơ sở (nếu có) vào biên bản thẩm định hoặc ký từng trang trong trường hợp cơ sở không có con dấu;

g) Trường hợp đại diện cơ sở không đồng ý ký tên vào Biên bản thẩm định thì đoàn thẩm định phải ghi: “Đại diện cơ sở được thẩm định không ký biên bản” và nêu rõ lý do đại diện cơ sở không ký. Biên bản này vẫn có giá trị pháp lý khi có đầy đủ chữ ký của tất cả các thành viên trong Đoàn thẩm định;

h) Được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ quan thẩm định, 01 bản lưu tại cơ sở; trường hợp cần thiết có thể tăng thêm số bản.

Điều 16. Xử lý kết quả thẩm định và cấp, thu hồi Giấy Chứng nhận²¹

Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, Cơ quan thẩm quyền thực hiện thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần) và thực hiện như sau:

1. Kết quả thẩm định đạt:

a) Cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm. Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 3 (ba) năm kể từ ngày cấp.

b) Trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định, việc cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở được thực hiện khi có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Cơ quan thẩm quyền thẩm tra đạt yêu cầu.

2. Kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Cơ quan thẩm quyền ban hành thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy

²⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

²¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương để giám sát cơ sở không được hoạt động.

3. Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm, Cơ quan thẩm quyền thẩm tra và thực hiện việc cấp Giấy Chứng nhận theo điểm a khoản 1 Điều này.

4. Định kỳ, Cơ quan thẩm quyền thống kê, cập nhật thông tin và công khai trên Cổng thông tin điện tử về Danh sách cơ sở được cấp Giấy chứng nhận, thời hạn hiệu lực và các cơ sở chưa đáp ứng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận

a) Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận khi không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật An toàn thực phẩm;

b) Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận: Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Cơ quan thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của cơ sở nêu tại điểm a khoản 5 Điều này khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định ATTP hoặc thu hồi theo đề nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

Cơ quan thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của cơ sở sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

6. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp còn hiệu lực bị mất, hư hỏng, Cơ quan thẩm quyền căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, xem xét và cấp Bản sao từ sổ gốc theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc sau khi nhận được đề nghị của cơ sở hoặc có văn bản từ chối và nêu rõ lý do không cấp.

7. Trường hợp thay đổi địa chỉ, địa giới hành chính nhưng không thay đổi vị trí và Giấy chứng nhận còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận.

Mục 2

KIỂM TRA AN TOÀN THỰC PHẨM²²

Điều 17. Kiểm tra an toàn thực phẩm²³

²² Tên Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

²³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

1. Đối tượng kiểm tra: Các cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.
2. Nguyên tắc kiểm tra: Theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật An toàn thực phẩm.
3. Hoạt động kiểm tra:
 - a) Thực hiện bởi Đoàn kiểm tra được Cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này thành lập, có trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 70 Luật An toàn thực phẩm;
 - b) Hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở phải lập Biên bản theo mẫu tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Thông tư này;
 - c) Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn kiểm tra lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
4. Kiểm tra theo kế hoạch:
 - a) Hằng năm, cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này căn cứ yêu cầu quản lý, đánh giá tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, diễn biến sự cố an toàn thực phẩm, kết quả giám sát an toàn thực phẩm, kết quả thanh tra, kiểm tra kỳ trước và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên để xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí kiểm tra theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật An toàn thực phẩm và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - b) Trước khi tiến hành kiểm tra tối thiểu 3 (ba) ngày, cơ quan thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở được kiểm tra;
 - c) Tần suất kiểm tra: không quá 01 lần/cơ sở/năm, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất quy định tại khoản 5 Điều này.
5. Kiểm tra đột xuất: Cơ quan thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất (không thông báo trước) trong các trường hợp sau:
 - a) Cơ sở có dấu hiệu vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm;
 - b) Có cảnh báo của tổ chức trong nước, nước ngoài và các tổ chức quốc tế liên quan đến an toàn thực phẩm hoặc có phản ánh của các tổ chức, cá nhân về đảm bảo an toàn thực phẩm liên quan đến cơ sở;
 - c) Kiểm tra chuyên đề theo chỉ đạo của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp trên.
6. Xử lý kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan thẩm quyền thực hiện:
 - a) Thông báo kết quả tới cơ sở đối với trường hợp kiểm tra đạt yêu cầu.

thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

b) Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt: Có văn bản yêu cầu cơ sở thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp được phát hiện trong Biên bản kiểm tra, cơ sở có trách nhiệm báo cáo kết quả, kèm theo bằng chứng khắc phục trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu.

c) Trường hợp cơ sở không báo cáo theo thời hạn yêu cầu hoặc kết quả khắc phục của cơ sở không đạt, Cơ quan thẩm quyền thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của cơ sở theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Thông tư này hoặc Thông báo kết quả kiểm tra tới tổ chức chứng nhận đã cấp Giấy chứng nhận khác đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng nêu tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 đề thu hồi hoặc đình chỉ Giấy chứng nhận đã cấp; Trường hợp tổ chức chứng nhận không thực hiện thu hồi, đình chỉ Giấy chứng nhận của cơ sở có vi phạm về an toàn thực phẩm, đề nghị Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp xem xét, xử lý đối với tổ chức chứng nhận (nếu có vi phạm) theo quy định của pháp luật.

Điều 18.²⁴ (được bãi bỏ)

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương²⁵

1. ²⁶Quy định cơ quan thẩm quyền nêu tại Điều 5 Thông tư này

2. Bố trí nguồn lực và cấp kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương để các Cơ quan thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này.

Điều 20. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở An toàn thực phẩm, Ban Quản lý An toàn thực phẩm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương²⁷

1. ²⁸Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định Cơ quan thẩm quyền nêu tại Điều 5 Thông tư này

²⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 26 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

²⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

²⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026.

²⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trong phạm vi được phân công.

Điều 21. Cơ quan thẩm quyền Trung ương²⁹

1. Hướng dẫn công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra an toàn thực phẩm trong toàn hệ thống từ trung ương đến địa phương thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Hướng dẫn áp dụng thống nhất tài liệu, biểu mẫu, phương pháp thẩm định đối với các cơ sở được phân công quản lý. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất, xây dựng và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mẫu biên bản thẩm định phù hợp với tính chất đặc thù của cơ sở.

3. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định và của cơ quan thẩm quyền địa phương.

4.³⁰ (được bãi bỏ)

5.³¹ (được bãi bỏ)

6.³² (được bãi bỏ).

7.³³ (được bãi bỏ).

Điều 22. Cơ quan thẩm quyền địa phương³⁴

²⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

²⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

³⁰ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

³¹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025

³² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025

³³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025

³⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

1. Tổ chức cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố phân công, phân cấp.

2. Thực hiện lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định.

4. Định kỳ, tổng hợp, cập nhật và công khai trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền và của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố danh sách các cơ sở đủ điều kiện và cơ sở chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý tại địa phương.

5. Lưu trữ các hồ sơ liên quan đến hoạt động cấp, thu hồi Giấy chứng nhận, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp.

Điều 23. Trưởng đoàn và thành viên đoàn thẩm định

1. Trưởng đoàn

a) Điều hành và chỉ đạo các thành viên trong đoàn thẩm định thực hiện đúng các nội dung đã ghi trong quyết định thẩm định.

b) Bảo đảm tính khách quan, chính xác, trung thực trong quá trình thẩm định.

c) Ký biên bản thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định, chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định do đoàn thẩm định thực hiện.

d) Đưa ra kết luận cuối cùng của đoàn thẩm định về kết quả thẩm định.

đ) Bảo mật các thông tin liên quan đến bí mật sản xuất kinh doanh của cơ sở được thẩm định và bảo mật kết quả thẩm định khi chưa có công nhận và thông báo kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định.

2. Thành viên đoàn thẩm định

a) Thẩm định, đánh giá sự phù hợp điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

b) Thực hiện các nội dung công việc theo sự phân công của trưởng đoàn thẩm định.

c) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, phương pháp thẩm định, lấy mẫu; đảm bảo tính khách quan, chính xác, trung thực khi thực hiện việc thẩm định, lấy mẫu.

thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2025.

d) Chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện các công việc được phân công với trường đoàn.

đ) Bảo mật các thông tin liên quan đến bí mật sản xuất kinh doanh của cơ sở được thẩm định và bảo mật kết quả thẩm định khi chưa có công nhận và thông báo kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định.

Điều 24. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

1. Bố trí người có đủ thẩm quyền đại diện cho cơ sở để làm việc với đoàn thẩm định.

2. Tạo điều kiện cho đoàn thẩm định thực hiện thẩm định, lấy mẫu tại hiện trường; cung cấp đầy đủ thông tin, mẫu vật, hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của đoàn thẩm định.

3. Khắc phục đầy đủ sai lỗi đã nêu trong biên bản thẩm định và gửi báo cáo bằng văn bản về cơ quan thẩm định theo đúng thời hạn nêu trong biên bản thẩm định.

4. Niêm yết công khai biên bản thẩm định tại cơ sở.

5. ³⁵ Nộp phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

6. Thu hồi, xử lý sản phẩm không bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định.

7. Được quyền khiếu nại với cơ quan thẩm định trong trường hợp không nhất trí với kết quả thẩm định của đoàn thẩm định.

8. Thông báo cho cơ quan thẩm định trong trường hợp dừng sản xuất, kinh doanh, giải thể, thay đổi địa điểm sản xuất, thay đổi điều kiện sản xuất hoặc thay đổi chủ sở hữu.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH³⁶

³⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2025.

³⁶ Điều 3 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Cơ sở xếp hạng 1, 2 và trong danh sách ưu tiên trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục duy trì chế độ lấy mẫu thẩm tra mỗi ngày về ATTP cho đến khi có thay đổi xếp hạng ưu tiên;

b) Hồ sơ đăng ký thẩm định, chứng nhận ATTP; thẩm định, chứng nhận lô hàng thủy sản gửi trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu, áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới tương ứng thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.”

Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Thông tư 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

Điều 14. Quy định chuyển tiếp

1. Văn bản, giấy chứng nhận là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân quyền, phân cấp ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn.

2. Các tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định hiện hành tại thời điểm tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được dẫn chiếu, áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới tương ứng thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hoặc phát hiện những vấn đề mới phát sinh, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.”

Điều 19 của Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 19/5/2026, quy định như sau:

“1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 05 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Điều 2, Điều 3 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

3. Điều 6 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

4. Các quy định về phân cấp thủ tục hành chính cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8, khoản 2, khoản 5 Điều 11, Điều 12, Điều 13 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

5. Các Đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các thủ tục hành chính được phân cấp tại Thông tư này; thực hiện việc bàn giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các hồ sơ mà Bộ đã tiếp nhận và xử lý trước thời điểm các quy định về phân cấp thủ tục hành chính tại Thông tư này có hiệu lực thi hành.

6. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Thông tư này được loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, quyết định./”

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 07/02/2019.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung

Các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật - Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để đăng tải);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, CCPT.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Văn Hưng

PHỤ LỤC I

THỐNG KÊ, LẬP DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH
THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

[illegible]

PHỤ LỤC I.A³⁷

Mẫu Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm tại cơ sở
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

.....⁽¹⁾
.....⁽²⁾
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽³⁾/BB-KT

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN (*)

Kiểm tra.....⁽⁴⁾

Thực hiện⁽⁵⁾, hôm nay vào hồi giờ ngày tháng năm tại
(**).....⁽²⁾ ... tiến hành kiểm tra đối với⁽⁶⁾

Lý do lập Biên bản kiểm tra tại trụ sở cơ quan kiểm tra/Đoàn kiểm tra hoặc địa điểm khác:...

I. Thành phần Đoàn kiểm tra

1 chức vụ: Trưởng đoàn
2 Thành viên
3

II. Đại diện cơ sở được kiểm tra

1 chức danh:
2

III. Với sự tham gia của (nếu có):

1 chức vụ:
2

IV. Nội dung và kết quả kiểm tra

.....⁽⁷⁾
.....

V. Nhận xét, kiến nghị và xử lý

1.....⁽⁸⁾
2.....⁽⁹⁾
3...⁽¹⁰⁾

VI. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

.....
Biên bản kiểm tra được lập xong hồi giờ ngày tháng năm; biên bản đã được đọc lại cho những người tham gia kiểm tra và đại diện cơ sở được kiểm tra cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên, Biên bản được lập thành 03 bản có nội dung và có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho cơ sở được kiểm tra, 02 bản Đoàn kiểm tra lưu giữ./.

<Trường hợp đại diện cơ sở không ký biên bản kiểm tra>

Lý do ông (bà)....là đại diện cơ sở không ký biên bản kiểm tra:

³⁷ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 26 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

Đại diện cơ sở được kiểm tra (*)**
(Ký, ghi rõ họ tên), đóng dấu (nếu có)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Các thành viên tham gia kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên), (nếu có)

Đại diện chính quyền
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên) (nếu có)

Ghi chú:

(*) Mẫu này được sử dụng để lập biên bản kiểm tra ATTP đối với cơ sở nêu tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

(**) Ghi địa chỉ nơi tiến hành kiểm tra (địa chỉ trụ sở, địa điểm sản xuất, kinh doanh).

(***) Trường hợp đại diện cơ sở không ký biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải bảo đảm sự có mặt của đại diện Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn nơi xảy ra vi phạm hoặc ít nhất 01 người chứng kiến để ký xác nhận.

- Trường hợp người chứng kiến thì ghi họ và tên, nghề nghiệp, địa chỉ liên hệ của người đó.

- Trường hợp đại diện chính quyền cấp xã thì ghi họ và tên, chức vụ của người đại diện và tên của Ủy ban nhân dân xã/ phường/ thị trấn nơi xảy ra vi phạm.

(1) Tên cơ quan kiểm tra.

(2) Đoàn kiểm tra Quyết định số..., ví dụ: Đoàn kiểm tra Quyết định số /QĐ----.

(3) Ghi số thứ tự cơ sở được kiểm tra do Đoàn kiểm tra thực hiện, ví dụ: Đoàn kiểm tra Quyết định số /QĐ-..... được giao nhiệm vụ kiểm tra 09 cơ sở thì Biên bản kiểm tra được đánh số từ 01, 02, 03... đến 09.

(4) Ghi phù hợp tên, tiêu đề hoặc trích yếu của Quyết định kiểm tra.

(5) Ghi Quyết định kiểm tra.

(6) Tên, địa chỉ, điện thoại và các thông tin về cơ sở được kiểm tra theo đăng ký doanh nghiệp,

(7) Kiểm tra và đánh giá các nội dung về điều kiện chung về bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định Luật An toàn thực phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này); nếu có lấy mẫu ghi có biên bản lấy mẫu kèm theo; yêu cầu xuất trình các giấy tờ, tài liệu phục vụ kiểm tra, đánh giá và thu thập bản sao có đóng dấu của cơ sở các giấy tờ, tài liệu liên quan.

(8) Đánh giá các nội dung cơ sở đã chấp hành.

(9) Ghi cụ thể từng nội dung tồn tại, vi phạm.

(10) Các nội dung Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở thực hiện/chấp hành/sửa chữa/khắc phục v.v..., ghi cụ thể từng nội dung, thời hạn thực hiện v.v... ví dụ: Đoàn kiểm tra yêu cầu công ty A... gửi về Cơ quan kiểm tra, địa chỉ...trước ngày ...tháng ...năm....v.v..

PHỤ LỤC II³⁸

Danh mục mẫu Biên bản thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại hình cơ sở	Ký hiệu Biểu mẫu
1.	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật	BB 1.1
2.	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn	BB 1.2
3.	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	BB 1.3
4.	Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	BB 1.4
5.	Cảng cá	BB 1.5
6.	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 1.6
7.	Cơ sở giết mổ động vật tập trung	BB 2.1
8.	Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.2
9.	Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.3
10.	Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.4
11.	Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	BB 2.5
12.	Cơ sở sản xuất chế biến muối	BB 2.6
13.	Cơ sở kinh doanh muối	BB 2.7
14.	Cơ sở sản xuất muối	BB 2.8

³⁸ Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024, theo quy định tại điểm c khoản 26 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

PHỤ LỤC III³⁹**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

3. Điện thoại Email

4. Mã số đăng ký kinh doanh:

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

³⁹ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 được thay thế bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024, theo quy định tại điểm c khoản 26 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

PHỤ LỤC IV⁴⁰**Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

BẢN THUYẾT MINH

Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I- THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
- Địa chỉ:
- Loại hình sản xuất, kinh doanh
 DN nhà nước ☐ DN 100% vốn nước ngoài☐
 DN liên doanh với nước ngoài ☐ DN Cổ phần ..☐
 DN tư nhân ☐ Khác ☐
 (ghi rõ loại hình)
- Năm bắt đầu hoạt động:
- Công suất thiết kế/Diện tích sản xuất:
- Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
- Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Nhà xưởng, trang thiết bị
 - Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanhm², trong đó:
 + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm :m²

⁴⁰ Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 được thay thế bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024, theo quy định tại điểm c khoản 26 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.

- + Khu vực sản xuất, kinh doanh:m²
 + Khu vực đóng gói thành phẩm:m²
 + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:m²
 + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác:m²
 - Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng ☐ Nước giếng khoan ☐

Hệ thống xử lý: Có ☐ Không ☐

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất ☐ Mua ngoài ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

.....

4. Hệ thống xử lý chất thải, nước thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh:

- Tổng số:người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) đã được xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn xác nhận kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh:người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở ☐ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài ☐ Tên những PKN gửi phân tích:

.....
.....
10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V⁴¹
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

.....
 (tên Cơ quan cấp giấy)
CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment:

Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: ()*

Địa chỉ/ Address:

Điện thoại/ Tel:

Email:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

- 1.
- 2.
- 3.

Số cấp/ Number: / XXXX/ CƠ QUAN THẨM QUYỀN CẤP-YYY

Có hiệu lực đến ngày tháng năm

Valid until (date/month/year)

....., ngày tháng năm/

..., day/month/year

(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

XXXX: 4 chữ số của năm cấp giấy

YYY: chữ viết tắt tên Tỉnh, Thành phố theo tên viết tắt địa phương, nơi cơ sở SXKD được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

(*): Ghi mã số doanh nghiệp do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp

⁴¹ Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 được thay thế bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024, theo quy định tại điểm c khoản 26 Điều 1 của Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025.